Chi tiết mã HS 8522.90.91

Mã HS	8522.90.91
Mô tả hàng hóa	Bộ phận và phụ kiện chỉ dùng hoặc chủ yếu dùng cho các thiết bị của nhóm 85.19 hoặc 85.21 / - Loại khác: / - - Loại khác: / - - - Bộ phận và phụ kiện khác của thiết bị ghi hoặc tái tạo âm thanh dùng trong điện ảnh
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	12/11/2026 10:14:27
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/85229091/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15461
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15461
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15461
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	2	2%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E14774
ATIGA	2022	2022	0	AT!E14715
ATIGA	2023	2023	0	AT!F14715
ATIGA	2024	2024	0	AT!G14715
ATIGA	2025	2025	0	AT!H14715
ATIGA	2026	2026	0	AT!I14715
ATIGA	2027	2027	0	AT!J14715
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E14769
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F14769

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G14769
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H14769
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I14769
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J14769
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E14770
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F14770
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G14770
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H14770
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I14770
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J14770
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F14773
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H14721
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F14729
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G14729
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H14729
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I14729
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J14729
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K14729
VKFTA	2022	2022	0	VK!E14760
VKFTA	2023	2023	0	VK!F14760
VKFTA	2024	2024	0	VK!G14760
VKFTA	2025	2025	0	VK!H14760
VKFTA	2026	2026	0	VK!I14760
VKFTA	2027	2027	0	VK!J14760
VCFTA	2022	2022	5	VC!D14815
VCFTA	2023	2023	5	VC!E14815

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F14815
VCFTA	2025	2025	0	VC!G14815
VCFTA	2026	2026	0	VC!H14815
VCFTA	2027	2027	0	VC!I14815
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D14794
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E14794
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F14794
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G14794
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H14794
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I14794
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D14792
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E14792
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F14792
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G14792
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H14792
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I14792
EVFTA	2022	2022	2,5	EV-NK!D14807
EVFTA	2023	2023	1,6	EV-NK!E14807
EVFTA	2024	2024	0,8	EV-NK!F14807
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G14807
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H14807
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I14807
UKVFTA	2022	2022	2,5	UKV!D14806
UKVFTA	2023	2023	1,6	UKV!E14806
UKVFTA	2024	2024	0,8	UKV!F14806
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G14806

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H14806
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I14806
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D14799
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E14799
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F14799
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G14799
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H14799
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I14799
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J14799
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D14794
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E14794
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F14794
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G14794
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H14794
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I14794
RCEP B	2022	2022	0	B!D14794
RCEP B	2023	2023	0	B!E14794
RCEP B	2024	2024	0	B!F14794
RCEP B	2025	2025	0	B!G14794
RCEP B	2026	2026	0	B!H14794
RCEP B	2027	2027	0	B!I14794
RCEP C	2022	2022	0	C!D14794
RCEP C	2023	2023	0	C!E14794
RCEP C	2024	2024	0	C!F14794
RCEP C	2025	2025	0	C!G14794
RCEP C	2026	2026	0	C!H14794

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I14794
RCEP D	2022	2022	0	D!D14793
RCEP D	2023	2023	0	D!E14793
RCEP D	2024	2024	0	D!F14793
RCEP D	2025	2025	0	D!G14793
RCEP D	2026	2026	0	D!H14793
RCEP D	2027	2027	0	D!I14793
RCEP E	2022	2022	0	E!D14797
RCEP E	2023	2023	0	E!E14797
RCEP E	2024	2024	0	E!F14797
RCEP E	2025	2025	0	E!G14797
RCEP E	2026	2026	0	E!H14797
RCEP E	2027	2027	0	E!I14797
RCEP F	2022	2022	0	F!D14794
RCEP F	2023	2023	0	F!E14794
RCEP F	2024	2024	0	F!F14794
RCEP F	2025	2025	0	F!G14794
RCEP F	2026	2026	0	F!H14794
RCEP F	2027	2027	0	F!I14794
VIFTA	2024	2024	4	VI!F13775
VIFTA	2025	2025	3	VI!G13775
VIFTA	2026	2026	2	VI!H13775
VIFTA	2027	2027	1	VI!I13775

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: Hàng tiêu dùng QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.I)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8522.90 có 8 dòng thuế; dòng 8522.90.91 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Bộ phận và phụ kiện khác của thiết bị ghi hoặc tái tạo âm thanh dùng trong điện ảnh.	8522.90.20 Tấm mạch in đã lắp ráp dùng cho máy trả lời điện thoại; 8522.90.30 Tấm mạch in đã lắp ráp dùng cho máy ghi hoặc tái tạo âm thanh dùng trong lĩnh vực điện ảnh; 8522.90.40 Cơ cấu ghi hoặc đọc băng video hoặc audio và đĩa compact; 8522.90.50 Đầu đọc hình hoặc âm thanh, kiểu từ tính; đầu và thanh xoá từ; 8522.90.92 Bộ phận khác của máy trả lời điện thoại; 8522.90.93 Bộ phận và phụ kiện khác của hàng hóa thuộc phân nhóm 8519.81 hoặc nhóm 85.21	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8522.90.91. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 8522.90.91 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15461), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Hàng tiêu dùng QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.I)
HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.